

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HS-PT
Ngày 21 – 02 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Châu Văn Mỹ

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Quan Tuấn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 104/2018/TLPT-HS ngày 24 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Thanh P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2018/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo: Họ và tên: **Phạm Thanh P** (tên gọi khác: Minh D), sinh năm 1991 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Khóm 5, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1968 và bà Võ Thị T, sinh năm 1967; Có vợ là Tôn Thị Huỳnh C, sinh năm 1991; có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án: 02 lần; Ngày 26/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích; Ngày 25/9/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích; Tiền sự: Ngày 08/9/2017, bị Công an thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 5.000.000 đồng về hành vi “Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó”, đã đóng phạt xong; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2018 đến nay, (có mặt).

- Bị cáo không có kháng cáo: Họ và tên **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1999 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Số 73, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc

Liêu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và bà Lữ Thị Th, sinh năm 1973; Anh chị em ruột 02 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất là bị cáo; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 21/9/2017, bị Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép”, chưa đóng phạt; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2018 đến nay, (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại: Danh T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Khu tập thể Khóm 9, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Quách Ích K, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 98, Khóm 7, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Lô 34, Khóm 7, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nguyễn Thành V, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số khu dân cư T, Khóm 3, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Đỗ Thanh T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Khóm 6, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Trần Tuấn Kh, sinh năm 1987. Nơi cư trú: xã T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Trần Minh H, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số 304 Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nguyễn Chí Ph, sinh ngày 20/6/2000. Nơi cư trú: xã T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Phạm Văn H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Khóm 5, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nguyễn Văn K, sinh năm 1975. Nơi cư trú: xã T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy và không có nghề nghiệp, muốn có tiền sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân, nên bị cáo Phạm Thanh P rủ bị cáo Nguyễn Văn T đi tìm tài sản lấy trộm. Bị cáo P chuẩn bị cây đoản và chìa khóa để khi phát hiện xe máy không có người trông coi thì mở khóa lấy trộm, còn bị cáo T thì ngồi trên xe nổ máy chờ và cảnh giới khi bị cáo P lấy trộm tài sản; sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo P là người trực tiếp mang tài sản trộm được lên Sóc Trăng bán cho người tên T (không xác định được nhân thân). Với cách thức và thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 5 năm 2018, các bị cáo đã thực hiện 08 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, qua kết quả định giá 08 chiếc xe mô tô có tổng giá trị là: 95.655.000 đồng, trong 08 lần thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô thì bị cáo P thực hiện một mình 02 vụ, bị cáo T và bị cáo P cùng thực hiện 05 vụ và đối tượng tên N cùng với bị cáo T thực hiện 01 vụ (đối tượng tên N chưa xác định được nhân thân nên cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục điều tra).

Từ nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2018/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã

quyết định: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thanh P và Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh P 03 năm 06 tháng tù. Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm 06 tháng tù. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 11 năm 2018, bị cáo Phạm Thanh Ph kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trước khi mở phiên tòa vợ bị cáo P nộp cho Tòa án biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả số 000021 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B cho các bị hại, tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và đồng ý trừ số tiền do vợ bị cáo nộp để khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo T, lời khai của các bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nên việc truy tố, xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Mặc dù, trước khi mở phiên tòa vợ bị cáo có nộp cho Tòa án biên lai nộp tiền khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại với số tiền 13.000.000đ, đây là tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo, nên đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, với mức án mà cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là tương xứng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với số tiền do vợ bị cáo là chị Tôn Thị Huỳnh C nộp khắc phục được đối trừ chia theo tỷ lệ tương ứng cho các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thanh P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, sự thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo T, phù hợp với lời khai của các bị hại cũng như các tài liệu chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 5 năm 2018, bị cáo P và bị cáo T đã cùng bàn bạc, chuẩn bị phương tiện, công cụ thực hiện 08 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, trong đó bị cáo P và bị cáo T

cùng thực hiện 05 vụ, bị cáo P một mình thực hiện 02 vụ và bị cáo T cùng với đối tượng tên N thực hiện 01 vụ. Căn cứ kết luận định giá tài sản 08 chiếc xe mô tô có tổng giá trị là 95.655.000 đồng, trong đó 05 chiếc xe mô tô bị cáo P và bị cáo T cùng thực hiện có tổng giá trị là 70.665.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Với tính chất, mức độ, sự chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội và dùng tài sản trộm được làm nguồn sống chính của các bị cáo, nên các bị cáo còn phải chịu tình tiết định khung “có tính chất chuyên nghiệp”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173, đối với bị cáo P đã hai lần phạm tội chưa được xóa án tích, nên phải chịu thêm tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên việc truy tố, xét xử các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật, không truy tố, xét xử oan các bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn thể hiện sự xem thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho những người đang quản lý tài sản hợp pháp của mình. Do đó, cần phải xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho các bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Thanh P, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo P đã 02 lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý và rủ rê lôi kéo người khác cùng thực hiện hành vi phạm tội với mức độ phạm tội táo bạo và tinh vi hơn lần trước, bị cáo là người chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội và phân công cho người khác cảnh giới để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới đủ sức răn đe và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc và chưa phù hợp pháp luật; bởi lẽ bị cáo đã chịu tình tiết định khung “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, tức là bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội từ 05 lần trở lên (được hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2006/HĐTP ngày 12/5/2006) và đã lấy tổng số tiền của các lần phạm tội làm căn cứ định khung hình phạt,

trong những lần phạm tội đó không có lần nào tài sản có giá trị từ 50.000.000đ trở lên, nên áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” cho bị cáo là chưa phù hợp. Do đó, cần sửa phần này của án sơ thẩm.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 13.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo, nên cần áp dụng cho bị cáo để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, về mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo có phần nghiêm khắc, nên không chấp nhận đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm, mà có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[6] Xét số tiền 13.000.000đ do chị Tôn Thị Huỳnh C là vợ của bị cáo Phạm Thanh P nộp, theo biên lai thu số 000021 ngày 21/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý dùng số tiền này để khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại, xét thấy số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại chênh lệch không nhiều, nên chia số tiền 13.000.000đ cho 07 bị hại, có 06 bị hại mỗi bị hại được nhận số tiền 1.857.000đ và 01 bị hại nhận số tiền 1.858.000đ, các bị hại được nhận số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2018/HSST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về tội danh, hình phạt và trách nhiệm dân sự của bị cáo Nguyễn Văn T và các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh P, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2018/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh P (Minh Dương) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh Phương 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 09/5/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Thanh P có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại sau:

- Bồi thường cho ông Nguyễn Thành V số tiền 5.550.000đ, nhưng được đối trừ số tiền 1.857.000đ, bị cáo Phạm Thanh P tiếp tục bồi thường số tiền 3.693.000đ (*Ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng*);

- Bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc H số tiền 7.677.500đ, nhưng được đối trừ số tiền 1.857.000đ, bị cáo Phạm Thanh P tiếp tục bồi thường số tiền 5.820.500đ (*Năm triệu tám trăm hai mươi nghìn lẻ năm trăm đồng*);

- Bồi thường cho anh Trần Tuấn Kh số tiền 8.415.000đ, nhưng được đối trừ số tiền 1.857.000đ, bị cáo Phạm Thanh P tiếp tục bồi thường số tiền 6.558.000đ (*Sáu triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng*);

- Bồi thường cho anh Nguyễn Chí P số tiền 7.500.000đ, nhưng được đối trừ số tiền 1.857.000đ, bị cáo Phạm Thanh P tiếp tục bồi thường số tiền 5.643.000đ (*Năm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng*);

- Bồi thường cho anh Trần Minh H số tiền 5.640.000đ, nhưng được đối trừ số tiền 1.857.000đ, bị cáo Phạm Thanh P tiếp tục bồi thường số tiền 3.783.000đ (*Ba triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng*);

- Bồi thường cho anh Đỗ Thanh T số tiền 7.955.000đ, nhưng được đối trừ số tiền 1.857.000đ, bị cáo Phạm Thanh P tiếp tục bồi thường số tiền 6.098.000đ (*Sáu triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng*);

- Bồi thường cho anh Quách Ích K số tiền 11.100.000đ, nhưng được đối trừ số tiền 1.858.000đ, bị cáo Phạm Thanh P tiếp tục bồi thường số tiền 9.242.000đ (*Chín triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng*);

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đang quản lý số tiền 13.000.000đ, theo biên lai thu số 000021 ngày 21/02/2019).

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Thanh P không phải chịu.

5. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2018/HSST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự của bị cáo Nguyễn Văn T và các phần khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP. B (01b);
- VKSND TP. B (01b);
- TAND TP. B (01b);
- CQĐT TP. B (01b);
- Chi cục THADS TP. B (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Bị cáo (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn